

Dung dịch chất đối chiếu: Hòa tan puerarin chuẩn trong *methanol* (TT) để có nồng độ khoảng 1 mg/ml.

Dung dịch được liệu đối chiếu: Nếu không có chuẩn puerarin thì có thể dùng 0,8 g bột thô Sâm dây (mẫu chuẩn) chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Châm riêng biệt lên bản mỏng 20 µl mỗi dung dịch trên. Triển khai sắc ký đến khi dung môi đi được khoảng 12 cm, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí ở nhiệt độ phòng. Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 254 nm hoặc 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có vết tương đương về vị trí và cùng màu với vết puerarin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu. Nếu dùng bột Sâm dây chuẩn để chuẩn bị dung dịch đối chiếu thì trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch được liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 14,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C đến 105 °C, 5 h).

Tro toàn phần

Không quá 5,0 % (Phụ lục 9.8).

Tạp chất

Không quá 0,5 % (Phụ lục 12.11).

Chất chiết được trong dược liệu

Không ít hơn 10,0 % tính theo dược liệu khô kiệt.

Tiến hành theo phương pháp chiết nóng (Phụ lục 12.10).

Dùng *ethanol* 70 % (TT) làm dung môi.

Chế biến

Thái lát: Loại bỏ tạp chất, rửa sạch, ủ mềm, thái lát hoặc cắt miếng, phơi hoặc sấy khô.

Làm bột: Sau khi thu hoạch, cao bỏ vỏ, giã nát, cho vào nước khuấy đều, gạn lấy nước bột, để lắng, gạn lấy bột đem phơi hoặc sấy đến khô, tán nhỏ.

Bảo quản

Để nơi thoáng mát, tránh mốc mọt.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, cay, tính bình. Vào các kinh tỳ, vị.

Công năng, chủ trị

Giải cơ, thoát nhiệt, thấu chẩn, sinh tân chỉ khát, thăng tỳ dương để chỉ tả. Chủ trị: Sốt, cứng gáy, khát, tiêu khát, sỏi chưa mọc, lỵ, ỉa chảy do ngoại tà.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 9 g đến 15 g, dạng thuốc sắc, thường phối hợp với các vị thuốc khác.

Bột dùng uống với nước thuốc thang hoặc thêm nước và đường, khuấy đều để uống.

Ghi chú

Rễ của cây *Pueraria lobata* (Willd.) Ohwi, họ Đậu (Fabaceae) cũng được dùng như rễ Sâm dây.

SÂM BỒ CHÍNH (RỄ)

Abelmoschi sagittifolii Radix

Bồ chính sâm, Thổ hào sâm, Nhân sâm Phú Yên

Rễ (thường gọi là củ) được làm khô của cây Sâm bồ chính [*Abelmoschus sagittifolius* (Kurz) Merr.], họ Bông (Malvaceae). Thu hoạch vào tháng 11 đến tháng 12 hoặc tháng 1 đến tháng 2 hàng năm. Đào lấy rễ củ, loại bỏ rễ con, rửa sạch, phơi hoặc sấy khô. Có thể đồ chín hoặc ngâm nước gạo, vớt ra rửa sạch, đồ chín rồi phơi khô.

Mô tả

Rễ củ hình trụ, đầu dưới thuôn nhỏ, dài 10 cm trở lên, đường kính 0,5 cm đến 1,5 cm, đôi khi phân nhánh. Mặt ngoài màu trắng ngà, có nhiều nếp nhăn và vết sẹo của rễ con. Mặt bẻ màu trắng, có nhiều bột, không có xơ. Mùi hơi thơm, vị nhạt và nhầy.

Ghi chú: Loại củ chắc nhiều bột không có xơ là loại tốt.

Vi phẫu

Lớp vỏ gồm 3 đến 6 hàng tế bào, có khi tới 10 hàng đến 15 hàng. Mô mềm vỏ cấu tạo bởi tế bào hình nhiều cạnh, chứa hạt tinh bột. Rải rác trong mô mềm có các tinh thể calci oxalat hình cầu gai và các túi tiết chất nhầy. Bó libe hình nón, rải rác có vài đám sợi. Bó gỗ cấu tạo bởi những đám mạch gỗ rải rác trong mô mềm gỗ. Tia ruột gồm 2 đến 3 hàng tế bào từ vùng gỗ ra tới vùng libe thì loe thành hình phễu. Tế bào tia ruột cũng chứa tinh bột.

Bột

Bột màu trắng ngà hay vàng nhạt, có nhiều hạt tinh bột riêng lẻ, hình dạng thay đổi, kích thước từ 12 µm đến 34 µm, có khi 2 đến 3 hạt dính với nhau. Sợi libe có thành hơi dày, rộng khoảng 20 µm. Mạch mạch điểm, mạch mạng. Tinh thể calci oxalat hình cầu gai. Mạch mô mềm gồm nhiều tế bào chứa tinh bột.

Định tính

A. Lấy 1 g bột dược liệu, thêm 10 ml *nước cất*, lắc trong 15 min, lọc qua bông thu được dung dịch A.

Lấy 1 ml dung dịch A, thêm 1 ml *dung dịch natri hydroxyd* 10 % (TT), dung dịch có màu vàng chanh.

Lấy 2 ml đến 3 ml dung dịch A, thêm vài giọt *dung dịch chì acetat* 20 % (TT), sẽ có tủa trắng.

B. Quan sát dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm, bột dược liệu phát quang màu trắng sáng.

C. Lấy 2 g bột dược liệu, thêm 10 ml *ethanol* 96 % (TT), đun hồi lưu cách thủy 10 min, để nguội, lọc. Lấy 1 ml dịch lọc, thêm 1 ml *dung dịch natri hydrocarbonat* 5 % (TT), đun cách thủy trong 3 min, để nguội. Thêm 1 đến 2 giọt *thuốc thử Diazo* (TT), màu đỏ cam xuất hiện.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 105 °C, 4 h).

Tro toàn phần

Không quá 12,0 % (Phụ lục 9.8).

SÂM CAU (Thân rễ)

Tro không tan trong acid hydroclorid

Không quá 7,0 % (Phụ lục 9.7).

Tạp chất

Không quá 1 % (Phụ lục 12.11).

Định lượng

Cân chính xác khoảng 2 g bột dược liệu (qua rây có kích thước mắt rây 2 mm), cho vào bình nón, thêm *ethanol* 25 % (TT) ngập dược liệu, siêu âm nhiều lần ở nhiệt độ 40 °C đến 45 °C đến hết chất nhầy {Lấy 1 ml dịch chiết lần cuối cùng, thêm vài giọt *dung dịch chì acetat* 20 % (TT), không còn tủa nữa là được}. Gộp các dịch chiết *ethanol*, bốc hơi đến dạng cao lỏng (1/5). Kết tủa chất nhầy bằng *dung dịch chì acetat* 20 % (TT) (dùng 15 ml đến 20 ml). Lọc qua giấy lọc đã cân bì trước. Rửa tủa trên giấy lọc đến khi nước rửa hết phản ứng của chì {lấy 1 ml dịch lọc, thêm vài giọt *dung dịch natri sulfat* 10 % (TT), khi không còn tủa trắng là được}. Sấy khô tủa ở 110 °C đến khối lượng không đổi và cân. Dược liệu phải chứa không ít hơn 25,0 % chất chiết được bằng *ethanol* 25 % (TT), tính theo dược liệu khô kiệt.

Chế biến

Sâm bổ chính thái lát: Loại bỏ tạp chất, rễ con, rửa sạch, thái lát phơi khô để dùng.

Sâm bổ chính chích gừng sao: Cứ 1 kg dược liệu dùng 300 g Gừng tươi. Cách tẩm theo hướng dẫn tại Phụ lục 12.20. Ủ 1 h, sao nhỏ lửa đến có mùi thơm. Dùng cho người bệnh có cơ địa hàn.

Bảo quản

Dược liệu chưa chế biến: Để nơi khô, tránh mốc, mọt.

Dược liệu đã chế biến: Để trong đồ đựng kín, tránh ẩm mốc, nên dùng trong 30 ngày sau khi chế biến. Nếu đổi sang màu vàng thẫm không được dùng.

Tính vị, quy kinh

Vị ngọt, hơi nhớt, tính bình. Vào các kinh tỳ, phế.

Công năng, chủ trị

Bổ khí ích huyết, chỉ khát sinh tân dịch, bồi bổ cơ thể. Chủ trị: Cơ thể gầy yếu, suy nhược, ăn ngủ kém, đau lưng, mệt mỏi, chóng mặt hoa mắt; kinh nguyệt không đều, lượng kinh ít, bạch đới; đau thượng vị, đại tiện phân lỏng; trẻ em gầy còm chậm lớn.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 16 g đến 20 g, dạng thuốc sắc. Tán bột dùng độc vị hoặc làm thuốc hoàn theo yêu cầu của bài thuốc. Trẻ em dùng liều bằng 1/2 liều người lớn.

Kiêng kỵ

Cơ địa hư hàn phải sao Gừng trước khi dùng. Kỵ Lê lô.

DUỐC ĐIỀN VIỆT NAM VI

SÂM CAU (Thân rễ)

Curculiginis Rhizoma

Tiên mao

Thân rễ (còn gọi là củ) được làm khô của cây Sâm cau (*Curculigo orchoides* Gaertn.), họ Thủy tiên (Amaryllidaceae). Cây được thu hái quanh năm. Đào lấy củ, loại bỏ đuôi và rễ sợi, rửa sạch, ngâm với nước vo gạo 1 đêm để giảm bớt chất độc, vớt ra rửa sạch, thái lát hoặc để nguyên đem phơi hoặc sấy khô.

Mô tả

Thân rễ hình trụ, hơi cong queo, dài 3 cm đến 10 cm, đường kính 4 mm đến 12 mm. Mặt ngoài màu đen hoặc nâu đen, xù xì, có các lỗ sọc rễ con và nhiều vết nứt ngang. Chất cứng và giòn, dễ bẻ gãy, mặt gãy không phẳng, màu nâu nhạt tới nâu hoặc nâu đen ở giữa. Mùi thơm nhẹ, vị đắng và cay.

Ghi chú: Loại củ màu đen, chắc, ít xơ là loại tốt.

Vĩ phẫu

Lớp vỏ có 3 đến 10 hàng tế bào. Vỏ rộng, thường thấy các bó mạch là vết tích của các rễ con, các tế bào ở mép vỏ chứa tinh thể calci oxalat, nội bì rõ. Các bó mạch của trụ giữa chồng kép, rải rác. Tế bào chứa chất nhầy rải rác trong mô mềm, hình hơi tròn, đường kính 60 µm đến 200 µm, có chứa cụm tinh thể calci oxalat dài 50 µm đến 180 µm. Tế bào mô mềm chứa đầy hạt tinh bột.

Định tính

Phương pháp sắc ký lớp mỏng (Phụ lục 5.4).

Bản mỏng: *Silica gel G*.

Dung môi khai triển: *Ethyl acetat - methanol - acid formic* (10 : 1 : 0,1).

Dung dịch thử: Lấy 2 g bột dược liệu, thêm 20 ml *ethanol* 96 % (TT), đun sôi hồi lưu trên cách thủy 30 min, để nguội, lọc. Bay hơi dịch lọc tới cạn, hòa tan cạn trong 1 ml *ethyl acetat* (TT), gạn lấy lớp dung dịch trong ở phía trên làm dung dịch thử.

Dung dịch dược liệu đối chiếu: Lấy 2 g bột Sâm cau (mẫu chuẩn), tiến hành chiết như mô tả ở phần Dung dịch thử.

Cách tiến hành: Chấm riêng biệt lên bản mỏng 10 µl mỗi dung dịch trên. Sau khi triển khai sắc ký, lấy bản mỏng ra, để khô trong không khí ở nhiệt độ phòng. Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết phát quang tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch đối chiếu. Hoặc phun lên bản mỏng hỗn hợp gồm *dung dịch kali ferocyanid* 2 % (TT) và *dung dịch sắt (III) clorid* (TT) 2 % (1 : 1). Quan sát bản mỏng dưới ánh sáng tử ngoại ở bước sóng 366 nm. Trên sắc ký đồ của dung dịch thử phải có các vết tương đương về vị trí và cùng màu với các vết trên sắc ký đồ của dung dịch dược liệu đối chiếu.

Độ ẩm

Không quá 13,0 % (Phụ lục 9.6, 1 g, 100 °C, 4 h).